

BẢNG ĐIỂM
TIẾNG ANH CẤP ĐỘ TƯƠNG ĐƯƠNG B1 (VSTEP)

STT	SỐ BÁO DANH	HỌ VÀ TÊN	MÃ ĐỀ	ĐIỂM THÀNH PHẦN				ĐIỂM TRUNG BÌNH	Đạt CHỨNG NHẬN	GHI CHÚ
				NGHE	ĐỌC	NÓI	VIẾT			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	000001	Hoàng Văn Ái	151	6.0	8.5	4.0	4.0	5.5	B1	
2	000002	Vòng Di An	153	7.5	8.0	6.5	3.5	6.5	B2	
3	000003	Nguyễn Trường An	155	7.0	9.0	4.0	2.5	5.5	B1	
4	000004	Lê Thị Hoàng Anh	157	7.0	9.0	5.0	3.0	6.0	B2	
5	000005	Phạm Tuấn Anh	151	7.0	9.0	5.0	3.0	6.0	B2	
6	000006	Lê Thị Hoàng Anh	153	7.0	9.0	4.0	3.0	6.0	B2	
7	000007	Phạm Ngọc Quỳnh Anh	155	6.5	8.0	3.5	3.0	5.5	B1	
8	000008	Nguyễn Văn Anh	157	6.0	7.5	7.0	4.0	6.0	B2	
9	000009	Nguyễn Thái Bảo	151	4.5	8.5	4.0	3.0	5.0	B1	
10	000010	Phan Hoài Bảo	153	7.0	8.5	5.5	2.5	6.0	B2	
11	000011	Nguyễn Thị Bé Bi		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Không xét	Vắng
12	000012	Nguyễn Trung Cẩn	157	6.5	9.0	5.5	3.0	6.0	B2	
13	000013	Nguyễn Ngọc Minh Châu	151	6.5	9.5	5.5	3.5	6.5	B2	
14	000014	Lê Quốc Đạt	153	6.5	9.5	7.0	3.0	6.5	B2	
15	000015	Châu Nguyễn Thanh Diễm	155	4.5	9.0	5.0	3.5	5.5	B1	
16	000016	Phan Ngọc Dự	157	4.5	8.5	2.5	2.5	4.5	B1	
17	000017	Nguyễn Xuân Đức	151	4.5	8.5	4.5	3.0	5.0	B1	
18	000018	Nguyễn Thị Dung	153	5.5	9.0	6.0	3.0	6.0	B2	
19	000019	Đặng Thị Kim Dung	155	6.5	9.5	2.5	3.0	5.5	B1	
20	000020	Nguyễn Phương Dung	157	6.0	9.5	5.0	3.0	6.0	B2	
21	000021	Võ Ngọc Đúng	151	6.5	9.5	5.5	3.0	6.0	B2	
22	000022	Đỗ Minh Dương	153	6.0	9.5	5.0	3.0	6.0	B2	
23	000023	Nguyễn Lương Duy	155	5.5	9.0	5.0	3.0	5.5	B1	
24	000024	Nguyễn Hoàng Bảo Duy	157	6.0	9.0	4.5	2.5	5.5	B1	
25	000025	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	151	5.0	8.5	4.5	3.0	5.5	B1	
26	000026	Tạ Thị Thanh Hà	153	6.0	7.5	3.5	3.0	5.0	B1	
27	000027	Võ Minh Hải	155	5.5	8.5	4.5	2.0	5.0	B1	
28	000028	Nguyễn Văn Hải	157	5.5	10.0	3.5	2.0	5.5	B1	
29	000029	Hồ Ngọc Hân	151	6.5	9.5	7.0	4.0	7.0	B2	



B

STT	SỐ BÁO DANH	HỌ VÀ TÊN		MÃ ĐỀ	ĐIỂM THÀNH PHẦN				ĐIỂM TRUNG BÌNH	Đạt CHỨNG NHẬN	GHI CHÚ
					NGHE	ĐỌC	NÓI	VIẾT			
30	000030	Lê Quốc	Hanh	153	5.5	8.0	6.5	2.5	5.5	B1	
31	000031	Trần Thị Thu	Hiền	151	7.0	6.5	6.0	2.0	5.5	B1	
32	000032	Trần Trung	Hiếu	153	7.0	9.5	3.0	3.0	5.5	B1	
33	000033	Dương Trọng	Hòa	155	7.0	9.0	4.0	2.5	5.5	B1	
34	000034	Vũ Thị Thúy	Hoài	157	6.5	8.0	4.5	4.0	6.0	B2	
35	000035	Đinh Quốc	Hoàn	151	5.5	8.0	3.0	2.5	5.0	B1	
36	000036	Mai Thanh	Hoàng	153	7.5	9.5	5.0	3.5	6.5	B2	
37	000037	Bùi Huy	Hoàng	155	5.0	8.0	3.0	2.5	4.5	B1	
38	000038	Mai Văn	Hoàng	157	6.0	5.5	3.0	2.0	4.0	B1	
39	000039	Phạm Văn	Huân	151	6.0	6.5	3.0	2.5	4.5	B1	
40	000040	Nguyễn Văn	Hùng	153	7.0	8.5	4.5	2.5	5.5	B1	
41	000041	Phạm Thị Thu	Huyền	155	7.0	9.5	5.0	3.0	6.0	B2	
42	000042	Trương Vĩnh	Khải	157	7.0	8.0	3.5	2.5	5.5	B1	
43	000043	Trần Thị Thùy	Lam	151	5.5	8.0	4.0	3.5	5.5	B1	
44	000044	Vũ Thanh	Lâm	153	5.5	9.0	3.0	3.0	5.0	B1	
45	000045	Ngô Minh	Lâm	155	7.0	8.0	4.5	2.5	5.5	B1	
46	000046	Trương Thanh	Liêm	157	5.5	7.5	3.0	3.0	5.0	B1	
47	000047	Nguyễn Thị Vũ	Linh	151	5.5	8.5	5.0	3.0	5.5	B1	
48	000048	Tô Thị Hồng	Loan	153	5.5	8.0	5.0	3.0	5.5	B1	
49	000049	Nguyễn Thành	Long		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Không xét	Vắng
50	000050	Phạm Tấn	Lực	157	4.5	5.5	3.5	3.5	4.5	B1	
51	000051	Vũ Thị	Lừu	151	5.0	6.0	4.0	3.5	4.5	B1	
52	000052	Nguyễn Hoàng Phụng	Ly	153	6.0	8.5	4.5	4.0	6.0	B2	
53	000053	Phạm Thị Tuyết	Mai	155	6.5	8.5	3.0	3.5	5.5	B1	
54	000054	Nguyễn Văn	Minh	156	5.5	3.0	3.0	3.5	4.0	B1	
55	000055	Nguyễn Thanh	Mộng	151	5.0	8.0	5.0	2.5	5.0	B1	
56	000056	Vũ Trường	Nam	153	6.5	8.5	3.0	2.0	5.0	B1	
57	000057	Đỗ Thị Tuyết	Nga	155	6.0	8.0	5.0	4.0	6.0	B2	
58	000058	Nguyễn Thị	Nga		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Không xét	Vắng
59	000059	Đoàn Thị Thùy	Nga	151	7.5	9.5	5.0	4.0	6.5	B2	
60	000060	Lê Thanh	Ngân	153	6.0	8.5	3.5	2.0	5.0	B1	
61	000061	Hà Minh	Nghĩa	150	6.5	7.5	6.0	3.0	6.0	B2	
62	000062	Trần Hữu	Nghĩa	152	7.0	10.0	2.5	3.0	5.5	B1	
63	000063	Võ Trọng	Nghĩa	154	6.0	6.5	4.5	3.0	5.0	B1	
64	000064	Nguyễn Thị Thanh	Nhân	156	6.5	9.5	4.0	2.5	5.5	B1	

STT	SỐ BÁO DANH	HỌ VÀ TÊN		MÃ ĐỀ	ĐIỂM THÀNH PHẦN				ĐIỂM TRUNG BÌNH	Đạt CHỨNG NHẬN	GHI CHÚ
					NGHE	ĐỌC	NÓI	VIẾT			
65	000065	Lê Thị Thu	Nhân	150	6.5	9.0	5.0	3.0	6.0	B2	
66	000066	Phạm Hoàng	Nhân	152	6.5	8.0	6.0	3.0	6.0	B2	
67	000067	Trần Thành	Nhân	154	6.5	7.0	6.5	3.0	6.0	B2	
68	000068	Nguyễn Minh	Nhật	156	6.5	7.5	5.5	2.5	5.5	B1	
69	000069	Huỳnh Thị Yên	Nhi	150	7.0	7.5	7.5	4.0	6.5	B2	
70	000070	Nguyễn Thụy Quỳnh	Như	152	7.0	7.5	7.5	4.0	6.5	B2	
71	000071	Nguyễn Minh	Phi	154	6.5	5.5	6.5	3.0	5.5	B1	
72	000072	Nguyễn Văn	Phương	156	6.5	8.0	5.0	3.0	5.5	B1	
73	000073	Ngô Hoài	Phương	150	6.5	8.0	5.0	3.0	5.5	B1	
74	000074	Đoàn Thị	Phượng	152	6.5	8.5	5.0	2.5	5.5	B1	
75	000075	Trương Thị Diệu	Quân	154	7.0	7.5	5.0	3.0	5.5	B1	
76	000076	Nguyễn Đạo Minh	Quân	156	7.0	8.5	5.0	2.5	6.0	B2	
77	000077	Nguyễn Thị Trúc	Quỳnh	150	6.5	8.5	3.5	3.0	5.5	B1	
78	000078	Võ	Sơn	152	6.0	7.5	5.5	3.0	5.5	B1	
79	000079	Hồ Sỹ	Tài	154	7.0	9.5	8.0	4.0	7.0	B2	
80	000080	Đỗ Tấn	Tài	156	7.5	8.5	5.5	3.0	6.0	B2	
81	000081	Nguyễn Tấn	Tài	150	7.0	9.5	5.5	3.0	6.5	B2	
82	000082	Tô Hồng	Tâm	152	7.5	10.0	8.0	3.0	7.0	B2	
83	000083	Hà Thiện	Tâm	154	7.0	8.0	8.0	4.5	7.0	B2	
84	000084	Nguyễn Giáp	Thạch	156	6.5	9.0	5.0	3.0	6.0	B2	
85	000085	Nguyễn Tuấn	Thanh	150	6.5	8.0	4.0	2.5	5.5	B1	
86	000086	Lương Chí	Thành	152	7.0	8.5	5.0	2.5	6.0	B2	
87	000087	Trần Thị Phương	Thảo	154	7.5	10.0	2.5	2.5	5.5	B1	
88	000088	Trần Thị Thu	Thảo	156	6.5	9.0	4.5	2.5	5.5	B1	
89	000089	Chu Nhật	Thắng	150	7.0	9.0	3.0	2.5	5.5	B1	
90	000090	Đặng Thị Kim	Thi	152	7.0	8.5	4.0	2.5	5.5	B1	
91	000091	Nguyễn Phước	Thiện	150	7.5	7.5	3.0	4.5	5.5	B1	
92	000092	Đỗ Hoàng Minh	Thơ	152	7.5	9.0	4.5	4.5	6.5	B2	
93	000093	Nguyễn Thị Kim	Thoại	154	7.0	7.0	4.0	3.0	5.5	B1	
94	000094	Lê Trung	Tín	156	6.0	6.5	3.5	3.5	5.0	B1	
95	000095	Nguyễn Thương	Tín	150	7.0	8.5	3.0	3.0	5.5	B1	
96	000096	Ngô Thanh	Toàn	152	7.0	9.0	3.0	3.0	5.5	B1	
97	000097	Hồ Minh	Toàn	154	5.0	8.5	4.0	3.0	5.0	B1	
98	000098	Lê Văn	Toàn	156	4.5	8.5	3.0	3.0	5.0	B1	
99	000099	Phạm Thanh	Toàn	150	5.5	9.5	3.0	3.0	5.5	B1	

STT	SỐ BÁO DANH	HỌ VÀ TÊN		MÃ ĐỀ	ĐIỂM THÀNH PHẦN				ĐIỂM TRUNG BÌNH	Đạt CHỨNG NHẬN	GHI CHÚ
					NGHE	ĐỌC	NÓI	VIẾT			
100	000100	Thái Minh	Trang	152	8.0	9.0	3.5	3.5	6.0	B2	
101	000101	Phạm Thị Minh	Trang	154	7.0	9.5	4.5	3.0	6.0	B2	
102	000102	Nguyễn Thị Thu	Trang	156	6.5	8.5	4.5	3.0	5.5	B1	
103	000103	Nguyễn Thị	Trang	150	7.0	8.5	4.5	3.5	6.0	B2	
104	000104	Trương Thùy	Trang	152	7.0	9.5	5.5	3.5	6.5	B2	
105	000105	Cái Minh	Trí	154	6.5	9.0	4.0	3.0	5.5	B1	
106	000106	Nguyễn Thị Tuyết	Trinh	156	6.0	9.5	4.0	3.0	5.5	B1	
107	000107	Đặng Công	Tuấn	150	5.0	8.5	3.0	3.0	5.0	B1	
108	000108	Phạm Hoàng Anh	Tuấn	152	5.5	9.0	3.0	3.0	5.0	B1	
109	000109	Võ Minh	Tuấn	154	7.0	8.5	3.5	3.0	5.5	B1	
110	000110	Bùi Thanh Bảo	Tường	156	7.0	9.0	4.0	2.5	5.5	B1	
111	000111	Nguyễn Hoàng	Tường	150	7.0	9.5	4.0	4.0	6.0	B2	
112	000112	Nguyễn Hà	Tuyên	152	7.0	9.0	3.0	2.5	5.5	B1	
113	000113	Trần Thị Ngọc	Tuyết	154	6.5	9.0	3.5	3.5	5.5	B1	
114	000114	Lương Trần	Tiền	156	6.0	6.0	4.0	3.0	5.0	B1	
115	000115	Trần Thị Tú	Uyên	150	7.0	8.5	4.5	5.0	6.5	B2	
116	000116	Hoàng Hải	Vân	152	7.0	9.0	3.5	3.0	5.5	B1	
117	000117	Phạm Hoàng	Vinh	154	7.0	9.0	3.0	2.5	5.5	B1	
118	000118	Lê Tuấn	Vũ	156	7.0	9.5	3.0	3.0	5.5	B1	
119	000119	Đặng Minh	Vương	150	7.0	9.0	3.0	2.5	5.5	B1	
120											

Điểm TB	Cấp Chứng nhận tương đương	Số lượng	Tỉ lệ (%)
0.0 - 4.0	Không xét	3	2.52
4.5 - 5.5	B1	75	63.03
6.0 - 8.0	B2	41	34.45
8.5 - 10.0	C1	0	0.00

Tp. HCM, Ngàytháng năm 2022

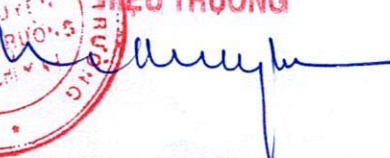
Trưởng ban Chấm thi

Thanh tra

Chủ tịch Hội đồng thi


Lê Thị Phụng


Vũ Đình Khôi



Huỳnh Duyên

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


Nguyễn Lương Tuấn Dũng


Lại Hoài Châu